

Số: /2021/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung và mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với  
huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHOÁ X KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;*

*Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;*

*Xét Tờ trình số 393/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh An Giang tập

trung tập huấn, thi đấu không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng: Huấn luyện viên, vận động viên tập trung tập huấn và thi đấu tại:

- a) Đội tuyển năng khiếu tỉnh;
- b) Đội tuyển huyện, thị xã, thành phố;
- c) Đội tuyển trẻ huyện, thị xã, thành phố.

**Điều 2. Chế độ dinh dưỡng:**

1. Nội dung và mức chi:

a) Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn ở trong nước: Là số ngày huấn luyện viên, vận động viên có mặt thực tế tập trung tập huấn theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức chi cụ thể như sau:

STT	Đội tuyển	Mức dinh dưỡng (đồng/người/ngày)
1	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	130.000
2	Đội tuyển huyện, thị xã, thành phố	165.000
3	Đội tuyển trẻ huyện, thị xã, thành phố	120.000

b) Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại khoản 2, 4, 5, 6, 7 Điều 37 Luật Thể dục, thể thao năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018, huấn luyện viên, vận động viên được hưởng chế độ dinh dưỡng như sau:

STT	Đội tuyển	Mức dinh dưỡng (đồng/người/ngày)
1	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	220.000
2	Đội tuyển huyện, thị xã, thành phố	220.000
3	Đội tuyển trẻ huyện, thị xã, thành phố	200.000

2. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc đội tuyển năng khiếu tỉnh;

b) Ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc đội tuyển và đội tuyển trẻ huyện, thị xã, thành phố;

c) Các đơn vị quản lý huấn luyện viên, vận động viên và các tổ chức liên quan khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung thêm chế độ dinh dưỡng đặc thù cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19 tháng 8 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 29 tháng 8 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 33/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, Ủy ban nhân dân, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh Kiên Giang;
- Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học;
- Công TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND-Gi.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Nung**